

Bản án số: 30/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 09/3/2021
(V/v Tranh chấp yêu cầu ly hôn
và chia tài sản chung)

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI - TỈNH BẠC LIÊU

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Hồng Diễm

Các hội thẩm nhân dân:

1/. Ông Nguyễn Minh Hoàng

2/. Bà Phạm Thị Nhâm

*Thư ký phiên tòa: Ông Trương Quốc Đại – Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.*

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa: Ông
Nguyễn Trung Thai, Kiểm sát viên.*

Ngày 09 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải xét
xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 619/2020/TLST-HNGĐ
ngày 24 tháng 12 năm 2020 về việc “Tranh chấp yêu cầu ly hôn và chia tài sản
chung”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19
tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

-Nguyên đơn: Anh Trần Chí L, sinh năm 1989

Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Bị đơn: Chị Phan Cẩm L, sinh năm 2000

Địa chỉ: ấp T I, xã LĐ, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

-Người làm chứng: Bà Nguyễn Kim Ch, sinh năm 1965

Địa chỉ: ấp TĐ, xã LĐT, huyện ĐH, tỉnh Bạc Liêu

(Anh L, chị L và bà Ch có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 14/12/2020, lời khai trong quá trình tố tụng, lời
khai tại phiên tòa nguyên đơn anh Trần Chí L và bị đơn chị Phan Cẩm L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị L thống nhất xác định anh chị đi đến hôn
nhân do mai mối, hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, được cha mẹ hai bên tổ chức đám
cưới theo phong tục tại địa phương vào ngày 05/11/2020 (âm lịch) nhưng chưa có
đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật.

Nguyên nhân L hôn theo anh L trình bày: sau khi cưới về chung sống được khoảng 20 ngày thì không rõ nguyên nhân gì chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột chị L ở, anh và gia đình có đến nhà chị L để nói chuyện với cha mẹ chị L để xin rước chị L về nhưng chị L không đồng ý, không muốn tiếp tục chung sống với anh, còn dùng những lời lẽ không hay trong cuộc sống vợ chồng. Nay anh nhận thấy chị L không muốn tiếp tục chung sống với anh nữa nên anh yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn, do cố nứu kéo cũng không mang lại hạnh phúc.

Nguyên nhân L hôn theo chị L trình bày: trong thời gian chung sống vợ chồng không có mâu thuẫn hay cãi vả nhau, do chị bị bệnh nên xin về nhà cha mẹ ruột ở để đi điều trị. Tuy nhiên anh L không quan tâm, lo lắng, anh L và gia đình qua nhà chị dùng những lời lẽ khó nghe, gây khó dễ cho gia đình chị. Nay chị nhận thấy vợ chồng cũng không thể nào tiếp tục chung sống. Nay anh L yêu cầu ly hôn thì chị cũng đồng ý.

Về con chung: anh L và chị L thống nhất xác định vợ chồng chung sống không có con chung nên khi L hôn anh chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung anh L xác định: trong ngày xuống mỗi gia đình anh có cho 10 chỉ vàng 18k (bộ vòng ximen 18 chiếc); ngày đám hỏi gia đình bên anh có cho 24 chỉ vàng 24k, bên gia đình chị L có cho 10 chỉ vàng 24k. Khi chị L bỏ về nhà cha mẹ ruột thì chị L đã mang theo toàn bộ số vàng này. Khi L hôn anh yêu cầu chia theo số vàng bên gia đình anh đã cho trong ngày cưới theo quy định pháp luật. Đối với 10 chỉ vàng 24k gia đình chị L cho thì anh không đặt ra yêu cầu xem xét giải quyết. Tại phiên tòa anh L xác định chỉ thống nhất việc chị L bán 02 chỉ vàng 24k là tài sản chung của vợ chồng để điều trị bệnh.

Chị L xác định: trong ngày xuống mỗi gia đình anh L có cho riêng chị bộ vòng ximen 18 chiếc trọng lượng là 10 chỉ vàng 18k, do khi cho không có trình với hai họ; ngày đám hỏi gia đình bên anh L có cho 24 chỉ vàng 24k. Khi chị về nhà cha mẹ ruột ở thì chị đã bán 06 chỉ vàng 24k để đi điều trị bệnh (chị đã có cung cấp giấy tờ bệnh cho Tòa án) và bán 04 chỉ vàng 24k để mua quần áo, vật dụng cá nhân vì khi chị về nhà cha mẹ ruột ở chị không có mang theo quần áo hay vật dụng gì. Hiện chị còn quản lý 14 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Khi L hôn chị yêu cầu được giữ lại 10 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k, chị đồng ý giao lại cho anh L 04 chỉ vàng 24k. Ngoài ra chị không có yêu cầu nào khác.

Đối với 10 chỉ vàng 24k là mẹ chị cho chị mượn đeo trong ngày cưới chứ không có trình với hai họ là cho, chị đã trả lại cho mẹ chị xong. Nay anh L không đặt ra yêu cầu đối với số vàng này thì chị cũng không có yêu cầu gì.

Về nợ chung: anh L và chị L thống nhất xác định vợ chồng không có nợ ai và cũng không ai nợ vợ chồng nên không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

-Người làm chứng bà Nguyễn Kim Ch trình bày: bà là mẹ ruột của anh Trần Chí L, vào khoảng tháng 8 năm 2020 (âm lịch), còn ngày bà không nhớ chính xác, ngày xuống mỗi thì bà có trình với bà con hai bên là cho con bộ vòng ximen 18 chiếc có trọng lượng là 10 chỉ vàng 18k, chính tay bà đeo cho con dâu là Phan Cẩm L, có sự chứng kiến của bà con hai họ, trong đó có bà Nguyễn Thị V và bà Đỗ Thị

Th là người trực tiếp chứng kiến bà trình với hai họ là cho vàng và đeo vàng cho chị L, số vàng này bà cho là cho chung các con chứ không cho riêng con dâu, do số vàng này cho để cho các con làm vốn sau khi về chung sống với nhau. Số vàng này bà đã cho các con xong nên bà không có ý kiến gì. Nay các con ly hôn với nhau thì bà yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa sơ thẩm anh L xác định chị vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đối với chị L, các đương sự xác định không còn tài liệu, chứng cứ để cung cấp thêm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và của các đương sự trong vụ án là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: anh L và chị L chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 9 và khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị L

Về con chung: anh L và chị L không có con chung nên không xem xét

Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu chia tài sản chung của anh L đối với chị L, chia cho anh L 11 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k, chia cho chị L 11 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k.

Về nợ chung: anh L và chị L xác định vợ chồng không có nợ chung nên không đặt ra yêu cầu, nên đề nghị Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

Về án phí hôn nhân gia đình và án phí chia tài sản chung thì anh L và chị L phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: anh L có đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết về việc tranh chấp ly hôn với chị L. Chị L có địa chỉ cư trú tại huyện Đông Hải. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải.

[2] Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: anh L và chị L được mai mối, sau đó được cha mẹ hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán tại địa phương vào tháng 11/2020 (âm lịch), hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Do đó, hôn nhân giữa anh L và chị L chưa hợp pháp, vi phạm khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình nên khi xảy ra tranh chấp

không được pháp luật bảo vệ. Nay anh L xin L hôn với chị L thì Hội đồng xét xử không giải quyết cho anh L và chị L ly hôn với nhau, mà cần tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh L và chị L là hoàn toàn có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Do anh L và chị L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: xét thấy anh L và chị L thống nhất tài sản chung của anh chị được tặng cho trong ngày cưới là 24 chỉ vàng 24k. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử công nhận đây là sự thật, các đương sự không cần phải có nghĩa vụ chứng minh.

Chị L xác định chị đã bán 06 chỉ vàng 24k để điều trị bệnh ở Trung tâm y tế thị xã Giá Rai, đi điều trị tại các phòng khám tư nhân ở bên ngoài nên không có toa vé; chị có cung cấp các toa vé điều trị tại Trung tâm Y tế thị xã Giá Rai từ ngày 02/12/2020 đến ngày 09/12/2020 với số tiền 1.763.842 đồng, phiếu siêu âm và phiếu xét nghiệm vào ngày 30/11/2020. Tuy nhiên các khoản chi phí nằm điều trị bệnh đã được bảo hiểm y tế thanh toán, ngoài ra chị L không cung cấp được các giấy tờ hay toa vé gì để chứng minh việc chị bán số vàng này ở đâu, được số tiền bao nhiêu, chị đã điều trị ở những phòng khám tư nhân nào, ở đâu, cũng như chi phí điều trị là bao nhiêu. Do đó, việc chị L trình bày là đã bán 06 chỉ vàng 24k để điều trị bệnh là không có căn cứ chấp nhận. Tuy nhiên, tại phiên tòa hôm nay, anh L thống nhất việc chị L bán 02 chỉ vàng 24k để điều trị bệnh, xét thấy đây là sự tự nguyện của anh L. Do đó, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh L.

Đối với việc chị L trình bày là có bán 04 chỉ vàng 24k để mua quần áo, vật dụng cá nhân, do khi chị về nhà cha mẹ ruột chị ở không có mang theo. Anh L xác định khi chị L nằm điều trị bệnh ở Trung tâm y tế thị xã Giá Rai, chị L có nhờ anh mang cho chị L vài bộ quần áo để mặc nhưng khi anh mang ra bệnh viện thì chị L không lấy, chị L cũng thừa nhận có sự việc này. Tại phiên tòa hôm nay, chị L cũng thừa nhận từ khi chị về nhà cha mẹ chị ở cho đến nay do lo sợ nhà anh L nên chị không có qua nhà anh L lấy quần áo, hay vật dụng cá nhân, anh L xác định anh và gia đình không ngăn cản việc chị L lấy quần áo hay vật dụng cá nhân của chị L. Nếu chị L muốn qua nhà lấy quần áo thì anh cũng đồng ý, chị L xác định chị không muốn lấy quần áo và vật dụng cá nhân của chị nữa. Xét thấy, việc chị L không mang quần áo, vật dụng cá nhân theo khi về nhà cha mẹ ruột ở là do chị L, không phải do anh L ngăn cản. Do đó, việc chị L trình bày là đã bán 04 chỉ vàng 24k để mua quần áo, vật dụng cá nhân là không có căn cứ chấp nhận.

Đối với 10 chỉ vàng 18k chị L xác định được cho trong ngày xuống mồi, không trình với hai họ nên đây là tài sản được tặng cho riêng chị. Tuy nhiên, trong quá trình xét xử cũng như tại phiên tòa hôm nay chị không cung cấp được tài liệu hay chứng cứ gì để chứng minh đây là tài sản riêng của chị. Do đó, căn cứ vào khoản 3 Điều 33 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định: *“Trong trường hợp không có căn cứ để chứng minh tài sản mà vợ, chồng đang có tranh chấp là tài sản riêng của mỗi bên thì tài sản đó được coi là tài sản chung”*. Mặt khác, người làm chứng là bà Nguyễn Thị V và bà Đỗ Thị Th trình bày: ngày bà Ch đi xuống mồi cho con trai là Trần Chí L thì bà có mặt chứng kiến việc bà Chi có tặng cho

vàng cho con dâu là Phan Cẩm L, khi cho bà Cho có tuyên bố với bà con hai họ là cho con chứ không có nói cho riêng con dâu, điều này phù hợp với phong tục cưới tại địa phương. Do đó, có cơ sở xác định đây là tài sản chung của anh L và chị L được tặng cho trong thời kỳ hôn nhân và tài sản chung của anh L và chị L còn lại là 22 chỉ vàng 24k và 10 chỉ vàng 18k. Nguyên tắc chia tài sản chung là chia đôi, tuy nhiên có xem xét công sức đóng góp, xét thấy nguồn gốc tài sản là của gia đình anh L tặng cho anh L và chị L trong ngày cưới, tuy nhiên anh L yêu cầu chia đôi số vàng này. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh L chia đôi số tài sản chung này.

Tại thời điểm xét xử vàng 24k có giá là 5.210.000 đồng/01chi; vàng 18k có giá là 3.923.000 đồng/01 chỉ.

Về nợ chung: anh L và chị L cùng thống nhất xác định trong thời gian chung sống anh chị không có tài sản chung cũng như không có nợ ai và cũng không ai nợ anh chị, khi L hôn chị không đặt ra yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết

Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Trần Chí L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008223 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh Trần Chí L phải chịu số tiền 4.052.700 đồng và chị Phan Cẩm L phải chịu số tiền 4.052.700 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, anh Trần Chí L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.788.000 đồng theo biên lai thu số 0008224 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, anh Trần Chí L phải nộp tiếp số tiền 1.188.700 đồng.

[3] Quan điểm của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là phù hợp, được Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, Điều 16; khoản 2 Điều 53; Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1/. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận anh Trần Chí L và chị Phan Cẩm L là vợ chồng.

2/. Về con chung: Do anh Trần Chí L và chị Phan Cẩm L không có con chung nên không xem xét giải quyết.

3/. Về tài sản chung: chấp nhận yêu cầu của anh Trần Chí L về việc yêu cầu chia tài sản chung khi ly hôn với chị Phan Cẩm L.

Chia cho anh Trần Chí L 11 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường), buộc chị Phan Cẩm L có nghĩa vụ giao lại cho anh L số vàng này.

Chia cho chị Phan Cẩm L 11 chỉ vàng 24k và 05 chỉ vàng 18k (loại vàng đang lưu hành trên thị trường).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/. Về nợ chung: anh Trần Chí L và chị Phan Cẩm L không có nợ chung nên không xem xét giải quyết.

5/. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: anh Trần Chí L phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008223 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải.

Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: anh Trần Chí L phải chịu số tiền 4.052.700 đồng và chị Phan Cẩm L phải chịu số tiền 4.052.700 đồng nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải, anh Trần Chí L đã nộp số tiền tạm ứng án phí là 2.788.000 đồng theo biên lai thu số 0008224 ngày 24 tháng 12 năm 2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đông Hải được khấu trừ, anh Trần Chí L phải nộp tiếp số tiền 1.188.700 đồng.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho anh Trần Chí L và chị Phan Cẩm L biết được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện DH;
- Chi cục THADS huyện DH;
- Các đương sự;
- Lưu HS vụ án;

Trương Hồng Diễm

